



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-35
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-35



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Văn Hội	Chủ tịch
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên
Ông Dương Ngọc Tú	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Duy	Ủy viên
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

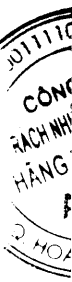
Ông Vương Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Dũng Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Ngoạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Tô Hanh	Trưởng ban
Ông Đinh Huy Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Lan	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

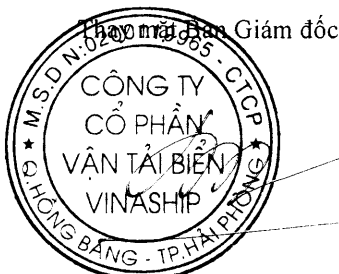
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 07 năm 2014





Số: 1246/2014/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau: Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, Công ty đã lập Báo cáo tài chính dựa trên giả định hoạt động liên tục như đã được trình bày tại Thuyết minh số 1.4 - "Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính" trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Lê Đức Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		146.574.983.611	115.626.805.040
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.646.231.081	4.536.508.000
111	1. Tiền		7.646.231.081	4.536.508.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		65.846.096.832	52.586.403.723
131	1. Phải thu của khách hàng		46.929.276.043	41.277.289.269
132	2. Trả trước cho người bán		2.468.271.868	42.180.667
135	5. Các khoản phải thu khác	4	16.806.748.359	11.665.133.225
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(358.199.438)	(398.199.438)
140	IV. Hàng tồn kho	5	45.743.203.757	37.450.420.935
141	1. Hàng tồn kho		45.743.203.757	37.450.420.935
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		27.339.451.941	21.053.472.382
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	5.075.322.813	1.644.545.182
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.261.823.184	5.034.266.109
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	8.374.946.599	8.374.144.917
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	7.627.359.345	6.000.516.174
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.040.419.175.336	1.089.199.243.736
220	II. Tài sản cố định		1.022.297.830.366	1.073.736.430.036
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.022.179.984.267	1.073.673.387.795
222	- Nguyên giá		1.749.430.035.496	1.755.942.819.399
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(727.250.051.229)	(682.269.431.604)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	15.888.899	38.722.241
228	- Nguyên giá		238.654.500	238.654.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(222.765.601)	(199.932.259)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	101.957.200	24.320.000
240	III. Bất động sản đầu tư	12	-	-
241	- Nguyên giá		5.785.803.477	5.785.803.477
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.785.803.477)	(5.785.803.477)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	15.462.813.700	15.462.813.700
258	3. Đầu tư dài hạn khác		22.280.507.645	22.280.507.645
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.817.693.945)	(6.817.693.945)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.658.531.270	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	2.658.531.270	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.186.994.158.947	1.204.826.048.776

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 30 tháng 06 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		999.264.635.639	992.420.564.204
310	I. Nợ ngắn hạn		373.309.462.839	366.747.610.897
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	168.097.288.088	189.824.247.704
312	2. Phải trả người bán		114.029.373.326	82.212.365.629
313	3. Người mua trả tiền trước		2.922.997.018	2.251.745.901
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.158.922.304	4.447.300.073
315	5. Phải trả người lao động		17.248.684.167	24.727.188.287
316	6. Chi phí phải trả	17	8.861.884.619	5.276.698.886
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	54.002.569.217	52.713.180.317
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.987.744.100	5.294.884.100
330	II. Nợ dài hạn		625.955.172.800	625.672.953.307
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	422.175.634
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	625.955.172.800	625.238.050.400
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	12.727.273
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		187.729.523.308	212.405.484.572
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	187.729.523.308	212.405.484.572
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		71.609.059.675	71.609.059.675
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		11.323.662.179	11.323.662.179
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(95.203.198.546)	(70.527.237.282)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.186.994.158.947	1.204.826.048.776

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

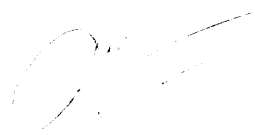
Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng


Báo cáo tài chính


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý		303.509.700	303.509.700
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		23.626,03	39.159,68


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập


Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng


Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 07 năm 2014



CÔNG
H NHIỆ
NG KI
AA
IN KI

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	343.693.417.158	327.682.539.180
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		343.693.417.158	327.682.539.180
11	4. Giá vốn hàng bán	22	326.386.724.443	335.836.616.927
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.306.692.715	(8.154.077.747)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	650.478.581	642.313.815
22	7. Chi phí tài chính	24	24.347.415.424	40.815.210.291
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		17.649.584.724	29.765.529.097
24	8. Chi phí bán hàng	25	6.570.813.863	7.913.694.195
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	12.047.123.077	11.612.417.696
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(25.008.181.068)	(67.853.086.114)
31	11. Thu nhập khác	27	2.382.374.501	8.217.170
32	12. Chi phí khác	28	2.050.154.697	696.611.948
40	13. Lợi nhuận khác		332.219.804	(688.394.778)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(24.675.961.264)	(68.541.480.892)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(24.675.961.264)	(68.541.480.892)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(1.234)	(3.427)

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc



Hải Phòng, ngày 31 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		344.747.724.726	340.957.921.554
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(246.814.532.918)	(259.896.993.278)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(43.133.870.573)	(46.956.255.844)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(18.319.707.717)	(25.559.322.540)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8.505.003.859	40.275.053.184
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.065.651.004)	(44.943.468.954)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.918.966.373	3.876.934.122
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(669.637.200)	(529.854.327)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.620.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		325.244.095	857.302.748
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.275.606.895	327.448.421
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		192.184.331.635	209.402.049.351
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(213.216.861.744)	(215.556.406.017)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(72.175.000)	(6.805.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(21.104.705.109)	(6.161.161.666)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.089.868.159	(1.956.779.123)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		4.536.508.000	8.446.244.168
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		19.854.922	27.809.956
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	7.646.231.081	6.517.275.001

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc



Hải Phòng, ngày 31 tháng 07 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 09 tháng 09 năm 2008 với mã giao dịch là VNA.

1.2 . Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Xí nghiệp dịch vụ vận tải	Hải Phòng	Xếp dỡ, đại lý giao nhận, vận chuyển container và các hàng hóa khác, ...
Xí nghiệp xếp dỡ vận tải và dịch vụ	Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ, thu gom hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa, ...

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Dịch vụ hợp tác lao động);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Cho thuê văn phòng);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác (Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển);
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (không bao gồm đại lý hàng hóa bảo hiểm, chứng khoán, môi giới bảo hiểm, chứng khoán, tài chính, bất động sản);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

1.4 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 30/06/2014, nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn số tiền 226.734.479.228 đồng (tại 31/12/2013 là 251.120.805.857 đồng). Việc thiếu hụt vốn lưu động có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty, Ban Giám đốc đang làm việc với các ngân hàng để điều chỉnh lại kế hoạch trả nợ của các khoản vay dài hạn để mua, đóng mới tàu biển theo Quyết định số 276/QĐ-Ttg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015. Theo quyết định này, Chính phủ chỉ đạo các Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng hỗ trợ, giúp đỡ giải quyết các khó khăn hiện tại của doanh nghiệp như cơ cấu lại các khoản vay theo hướng khoan nợ gốc và miễn, giảm lãi vay. Tổng công ty Hàng hải Việt Nam cũng chỉ đạo các doanh nghiệp thành viên làm việc với các ngân hàng thực hiện cơ cấu các khoản nợ vay như trên. Mặt khác, theo Nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Công ty đang có kế hoạch bán 02 tàu cũ khai thác không hiệu quả (Hà Tiên, Hà Nam) để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

111
ÔNG
HIỆM
KIẾ
A
KIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 20 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

2.9 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.12 . Chi phí trả trước

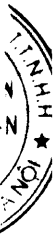
Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

Các chi phí đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Trong năm 2013, Công ty nhận được Công văn trả lời số 562/CT-TT&HT ngày 04/05/2013 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng về những ưu đãi Công ty được hưởng, theo đó:

1. Ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập có được thuộc các ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty do Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước:

- Ưu đãi thuế suất thuế TNDN: Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 20% từ năm 2007 đến năm 2016.
- Ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN: Công ty được miễn 02 năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp 03 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011).

Các khoản thu nhập không thuộc các ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty thì không được ưu đãi thuế TNDN (gồm ưu đãi thuế suất và ưu đãi miễn thuế, giảm thuế).

2. Ưu đãi thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ thanh lý tàu biển (tài sản cố định được sử dụng để vận tải biển thuộc ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty): Công ty phát sinh thu nhập là thanh lý tàu biển (là tài sản cố định được sử dụng để vận tải biển thuộc ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh được ưu đãi) thì được hưởng ưu đãi như mục 1 nếu Công ty thực hiện trích khấu hao cao hơn mức tối thiểu và hạch toán sửa chữa tàu vào chi phí hợp lý khi tính thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	536.220.048	902.033.040
Tiền gửi ngân hàng	7.110.011.033	3.634.474.960
	7.646.231.081	4.536.508.000

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
Phải thu tiền chi hộ Công ty Transco	478.391.960	914.362.597
Phải thu tiền bảo hiểm do mất hàng hóa	7.354.509.389	1.509.900.526
Phải thu tiền chi hộ Công ty XNK Inox Kim Vĩ	-	323.635.698
Phải thu tiền chi hộ Công ty Friesland Campina	984.362.659	883.235.524
Phải thu khác	646.996.777	691.511.306
	16.806.748.359	11.665.133.225

5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	45.282.292.171	37.197.757.814
Hàng hoá	460.911.586	252.663.121
	45.743.203.757	37.450.420.935

6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm trả trước cho các tàu	4.469.721.352	1.551.126.087
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	605.601.461	93.419.095
	5.075.322.813	1.644.545.182

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	801.682	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.374.144.917	8.374.144.917
	8.374.946.599	8.374.144.917

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	7.627.359.345	6.000.516.174
	7.627.359.345	6.000.516.174

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2014	27.594.201.494	100.752.694	1.727.962.983.689	284.881.522	1.755.942.819.399
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(6.512.783.903)	-	(6.512.783.903)
Tại ngày 30/06/2014	27.594.201.494	100.752.694	1.721.450.199.786	284.881.522	1.749.430.035.496
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2014	11.523.903.244	100.752.694	670.370.881.975	273.893.691	682.269.431.604
Trích khấu hao	608.787.926	-	48.862.241.903	3.541.998	49.474.571.827
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.493.952.202)	-	(4.493.952.202)
Tại ngày 30/06/2014	12.132.691.170	100.752.694	714.739.171.676	277.435.689	727.250.051.229
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014	16.070.298.250	-	1.057.592.101.714	10.987.831	1.073.673.387.795
Tại ngày 30/06/2014	15.461.510.324	-	1.006.711.028.110	7.445.833	1.022.179.984.267

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.005.550.751.173 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 150.912.848.739 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	238.654.500	238.654.500
Tại ngày 30/06/2014	238.654.500	238.654.500
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	199.932.259	199.932.259
Trích khấu hao	22.833.342	22.833.342
Tại ngày 30/06/2014	222.765.601	222.765.601
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	38.722.241	38.722.241
Tại ngày 30/06/2014	15.888.899	15.888.899

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	101.957.200	24.320.000
Dự án đóng tàu 34.000 tấn (*)	10.000.000	10.000.000
Dự án xây tường bao lô đất 61 khu vực bãi Container Vinaship	91.957.200	14.320.000
	101.957.200	24.320.000

(*) Dự án đóng tàu 34.000 tấn đang tạm dừng và đợi ý kiến chỉ đạo của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam xem xét về khả năng tiếp tục triển khai thực hiện.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	5.785.803.477	5.785.803.477
Tại ngày 30/06/2014	5.785.803.477	5.785.803.477
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	5.785.803.477	5.785.803.477
Tại ngày 30/06/2014	5.785.803.477	5.785.803.477
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	-	-
Tại ngày 30/06/2014	-	-

Bất động sản của Công ty bao gồm hệ thống bãi Container, nhà kho và các công trình phụ trợ tại Hải Phòng và Đà Nẵng được sử dụng để cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	22.280.507.645	22.280.507.645
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(6.817.693.945)	(6.817.693.945)
	15.462.813.700	15.462.813.700

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
		VND		VND
Cổ phiếu niêm yết	186.419	6.895.467.645	186.419	6.895.467.645
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	48.833	3.286.010.000	48.833	3.286.010.000
- CTCP phân đạm và hóa chất dầu khí	25.000	1.310.637.500	25.000	1.310.637.500
- CTCP Xi măng Hà Tiên 1	18.900	485.801.225	18.900	485.801.225
- CTCP Vận tải biển Việt Nam	60.000	1.276.000.000	60.000	1.276.000.000
- CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	33.686	537.018.920	33.686	537.018.920
Cổ phiếu chưa niêm yết	676.553	15.385.040.000	676.553	15.385.040.000
- Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	160.000	11.200.000.000	160.000	11.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	516.553	4.185.040.000	516.553	4.185.040.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(6.817.693.945)		(6.817.693.945)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		(1.977.285.600)		(1.977.285.600)
- CTCP phân đạm và hóa chất dầu khí		(273.137.500)		(273.137.500)
- CTCP Xi măng Hà Tiên 1		(391.301.225)		(391.301.225)
- CTCP Vận tải biển Việt Nam		(1.006.000.000)		(1.006.000.000)
- CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam		(432.592.320)		(432.592.320)
- Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn		(1.600.000.000)		(1.600.000.000)
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam		(1.137.377.300)		(1.137.377.300)
		15.462.813.700		15.462.813.700

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	2.097.198.891	-
Chi phí công ước lao động hàng hải các tàu	561.332.379	-
	2.658.531.270	-

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	117.733.246.088	123.953.415.704
Vay ngân hàng	97.933.246.088	106.103.415.704
Vay đối tượng khác	19.800.000.000	17.850.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	50.364.042.000	65.870.832.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh 19)	50.364.042.000	65.870.832.000
	168.097.288.088	189.824.247.704

Chi tiết vay ngắn hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽¹⁾	76.131.964.271	83.038.384.657
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng ⁽²⁾	21.801.281.817	23.065.031.047
Vay cá nhân ⁽³⁾	19.800.000.000	17.850.000.000
	117.733.246.088	123.953.415.704

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng	14.333.040.000	16.867.200.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân	5.648.904.000	5.650.512.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đồng Đa	6.133.698.000	26.987.520.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Hải Phòng	24.248.400.000	16.365.600.000
	50.364.042.000	65.870.832.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

- (1) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm 02 hợp đồng:
- (a) Hợp đồng tín dụng hạn mức Mreset số 0047/2014/HĐTDMRS ngày 30/06/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 90 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 26/06/2015, thời hạn tối đa của mỗi khế ước nhận nợ không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ hoặc lãi suất ưu đãi áp dụng theo thông báo tại từng thời điểm.

- (b) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0046/2014/HĐTĐHM ngày 30/06/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 90 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải biển, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải biển;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng từ ngày 26/06/2014, thời hạn tối đa của mỗi khế ước nhận nợ không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng lần giải ngân.

Các hình thức bảo đảm tiền vay đối với 02 hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng: Tài sản thế chấp là các tàu của Công ty bao gồm Vinaship Diamond, Vinaship Pearl, Vinaship Ocean, Mỹ Vượng, Hà Tiên, Bình Phước.

- (2) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm 02 hợp đồng:
- (a) Hợp đồng tín dụng số 0269/13//HĐTĐHM/DN ngày 26/11/2013 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 900.000 USD hoặc VND quy đổi tương đương;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động đội tàu biển trong nước và quốc tế;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng từ ngày 26/11/2013 đến ngày 26/11/2014. Thời hạn của từng hình thức cấp tín dụng được quy định cụ thể trong từng khế ước nhưng tối đa không quá 03 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ.
- (b) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0169/13/HĐTĐHM/DN ngày 21/05/2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 287.000 USD;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải biển tuyến quốc tế;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng từ ngày 21/05/2013 đến ngày 21/05/2014;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ.

Các hình thức bảo đảm tiền vay đối với 02 hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng: Tài sản thế chấp là các tàu của Công ty bao gồm Tàu Mỹ An và Tàu Hà Nam.

- (3) Các hợp đồng vay cá nhân để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh với thời hạn vay 12 tháng, lãi suất quy định trong hợp đồng tại từng thời điểm nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.087.017.889	3.068.509.499
Thuế Thu nhập cá nhân	71.904.415	1.378.790.574
	<u>3.158.922.304</u>	<u>4.447.300.073</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.746.779.140	1.803.610.251
Chi phí phải trả khác	7.115.105.479	3.473.088.635
	<u>8.861.884.619</u>	<u>5.276.698.886</u>

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.830.790.756	2.858.766.957
Bảo hiểm xã hội	4.678.952.778	4.798.554.199
Bảo hiểm y tế	1.237.070.277	1.236.357.278
Bảo hiểm thất nghiệp	355.593.164	367.625.210
Phải trả cổ tức cho cổ đông	10.042.655.000	10.114.830.000
Phải trả lãi vay	23.953.200.002	24.565.982.076
Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	1.942.968.971	2.004.228.330
Phải trả khác cho thuyền viên	1.621.076.872	968.579.109
Phải trả thuế TNCN của thuyền viên	5.733.097.354	4.502.351.041
Phải trả, phải nộp khác	1.607.164.043	1.295.906.117
	<u>54.002.569.217</u>	<u>52.713.180.317</u>

19 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	625.955.172.800	625.238.050.400
Vay ngân hàng	625.955.172.800	625.238.050.400
	<u>625.955.172.800</u>	<u>625.238.050.400</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Chi tiết vay dài hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽¹⁾	79.137.050.000	87.319.850.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng ⁽²⁾	195.361.443.000	201.320.574.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân ⁽³⁾	142.910.947.800	145.776.884.400
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đống Đa ⁽⁴⁾	208.545.732.000	190.820.742.000
	<u>625.955.172.800</u>	<u>625.238.050.400</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**(1) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm 2 hợp đồng:**

- (a) Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2011/HĐTĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007), với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 118 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng khô 12.500 DWT - chiếc 03/KH 2005;
 - + Thời hạn cho vay: 180 tháng từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 12/2006);
 - + Thời hạn trả nợ gốc: 169 tháng từ tháng 11/2007, kỳ trả nợ đầu tiên của số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2012 là năm 2014;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn 7,8%/năm. Lãi phát sinh trong thời gian giãn nợ từ 01/08/2011 đến 31/12/2013 trả theo hợp đồng đã ký;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Vinaship Gold);
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 73.385.450.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 13.660.800.000 đồng.
- (b) Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 02A/2011/HĐTĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 02/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007), với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 75 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư dự án đóng tàu chở hàng bách hóa loại 6.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước;
 - + Thời hạn cho vay: 180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2003);
 - + Thời hạn trả nợ gốc: 156 tháng từ tháng 04/2005, kỳ trả nợ đầu tiên của số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2012 là năm 2014;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn 3%/năm. Lãi phát sinh trong thời gian giãn nợ từ 01/08/2011 đến 31/12/2013 trả theo hợp đồng đã ký;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Mỹ Hưng);
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 30.000.000.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 10.587.600.000 đồng.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

(2) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm 2 hợp đồng:

(a) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0033/09/HP ngày 11/03/2009 và các phụ lục bổ sung, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 9.450.000 USD;
- + Mục đích vay: Mua tàu chở hàng khô Vinaship Diamond theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 05/03/2009;
- + Thời hạn cho vay: 132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 27/03/2009);
- + Thời hạn trả nợ gốc: 132 tháng theo lịch trả nợ quy định tại Phụ lục số 06 ngày 22/04/2014 trong đó thời điểm trả nợ cuối cùng là ngày 17/03/2020;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng/lần;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Vinaship Diamond). Tàu Vinaship Ocean, Tàu Vinaship Pearl, Tàu Hà Tiên, Tàu Bình Phước, Tàu Mỹ Vượng;
- + Số dư nợ gốc được quy đổi tại thời điểm cuối kỳ là 96.969.339.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 7.166.520.000 đồng.

(b) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0198/09/HP ngày 12/10/2009 và các phụ lục bổ sung, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 9.000.000 USD;
- + Mục đích vay: Mua tàu chở hàng khô Vinaship Pearl theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 25/08/2009;
- + Thời hạn cho vay: 132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 17/10/2009);
- + Thời hạn trả nợ gốc: 132 tháng theo lịch trả nợ quy định tại Phụ lục số 06 ngày 22/04/2014 trong đó thời điểm trả nợ cuối cùng là ngày 27/11/2020;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng/lần;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Vinaship Pearl), Tàu Vinaship Ocean, Tàu Vinaship Diamond, Tàu Hà Tiên, Tàu Bình Phước, Tàu Mỹ Vượng;
- + Số dư nợ gốc quy đổi tại thời điểm cuối kỳ là 112.725.144.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 7.166.520.000 đồng.

(3) Hợp đồng tín dụng số 01.09/HĐTD-DH ngày 01/12/2009 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 10.700.000 USD;
- + Mục đích vay: Mua tàu biển Vinaship Sea, trọng tải 27.841 tấn, do Nhật Bản sản xuất năm 1998;
- + Thời hạn cho vay: 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 04/01/2010);
- + Thời hạn trả nợ gốc: được kéo dài thêm 03 năm theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2009-HĐTD-SĐBS04/NHCT164-CTCPVTB VINASHIP ngày 17/01/2014. Số tiền cho vay bao gồm 132 tháng từ 04/01/2010-04/01/2021, được trả thành 44 kỳ hạn (03 tháng/kỳ), trong đó từ kỳ thứ 16 (20/01/2014) đến kỳ thứ 23 (20/10/2015) số gốc phải trả là 67.000 USD/kỳ. Phần nợ gốc được giảm sẽ dồn vào thu trong các kỳ tiếp theo;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi vay thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/ lần. Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiền gửi USD của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ 12 tháng + biên độ 3,5%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Vinaship Sea);
- + Số dư nợ gốc quy đổi tại thời điểm cuối kỳ là 148.559.851.800 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 5.648.904.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

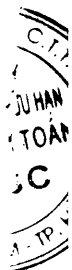
Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

(4) Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMD-VNA ngày 17/02/2011 tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đồng Đa và các phụ lục bổ sung, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 11.640.000 USD;
- + Mục đích vay: Đầu tư mua tàu chở hàng tổng hợp Vinaship Star trọng tải 23.949 DWT;
- + Thời hạn cho vay: 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng cho vay (ngày 07/03/2011);
- + Thời hạn trả nợ gốc: toàn bộ nợ gốc được phân kỳ trả nợ làm 30 kỳ trong suốt thời hạn 15 năm. Số tiền trả nợ gốc hàng năm sẽ được phân làm 02 kỳ trả nợ (06 tháng/kỳ), kỳ trả nợ gốc cuối cùng là 07/03/2026;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất cho vay USD 7% trong 3 tháng đầu tiên, được điều chỉnh 3 tháng/lần;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Vinaship Star), Tàu Mỹ Thịnh;
- + Số dư nợ gốc quy đổi tại thời điểm cuối kỳ là 214.679.430.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 6.133.698.000 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2013					
Tại ngày 01/01/2013	200.000.000.000	71.609.059.675	11.323.662.179	31.968.055.163	314.900.777.017
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(68.541.480.892)	(68.541.480.892)
Tăng khác	-	-	-	7.768.510.680	7.768.510.680
Tại ngày 30/06/2013	200.000.000.000	71.609.059.675	11.323.662.179	(28.804.915.049)	254.127.806.805
6 tháng đầu năm 2014					
Tại ngày 01/01/2014	200.000.000.000	71.609.059.675	11.323.662.179	(70.527.237.282)	212.405.484.572
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(24.675.961.264)	(24.675.961.264)
Tại ngày 30/06/2014	200.000.000.000	71.609.059.675	11.323.662.179	(95.203.198.546)	187.729.523.308

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	51,00%	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	49,00%	98.000.000.000	49,00%	98.000.000.000
	100%	200.000.000.000	100%	200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	71.609.059.675	71.609.059.675
Quỹ dự phòng tài chính	11.323.662.179	11.323.662.179
	82.932.721.854	82.932.721.854

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	287.082.258.997	271.881.170.128
Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.611.158.161	55.801.369.052
	343.693.417.158	327.682.539.180

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động vận tải biển	274.654.305.659	284.390.566.443
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	51.732.418.784	51.446.050.484
	<u>326.386.724.443</u>	<u>335.836.616.927</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	22.849.695	34.792.928
Cổ tức, lợi nhuận được chia	302.394.400	460.922.720
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	325.234.486	146.598.167
	<u>650.478.581</u>	<u>642.313.815</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.649.584.724	29.765.529.097
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	514.692.170	1.033.944.912
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	6.175.211.889	10.015.234.194
Chi phí tài chính khác	7.926.641	502.088
	<u>24.347.415.424</u>	<u>40.815.210.291</u>

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Hoa hồng phí cho các tàu	6.570.813.863	7.913.694.195
	<u>6.570.813.863</u>	<u>7.913.694.195</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	549.726.404	333.353.257
Chi phí nhân công	7.264.915.661	7.550.377.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	270.361.830	404.507.897
Thuế, phí, lệ phí	610.166.000	6.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(40.000.000)	(668.274.450)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.618.131.381	1.332.810.600
Chi phí khác bằng tiền	773.821.801	2.653.643.304
	12.047.123.077	11.612.417.696

27 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	2.381.818.182	-
Thu nhập khác	556.319	8.217.170
	2.382.374.501	8.217.170

28 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	2.018.831.701	-
Chi phí khác	31.322.996	696.611.948
	2.050.154.697	696.611.948

**29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(24.675.961.264)	(68.541.480.892)
Các khoản điều chỉnh tăng	29.820.433	18.206.739
- Chi phí không hợp lệ	29.820.433	18.206.739
Các khoản điều chỉnh giảm	(137.169.373.199)	(28.910.267.455)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(302.394.400)	(460.922.720)
- Chuyển lỗ các năm trước	(136.843.313.960)	(28.449.344.735)
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(23.664.839)	-
Tổng thu nhập tính thuế	(161.815.514.030)	(97.433.541.608)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(24.675.961.264)	(68.541.480.892)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(24.675.961.264)	(68.541.480.892)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.234)	(3.427)

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.125.351.015	132.910.901.479
Chi phí nhân công	42.386.763.480	43.643.902.216
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.497.405.169	49.856.649.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.571.837.062	125.147.422.301
Chi phí khác bằng tiền	3.423.304.657	3.803.853.277
	345.004.661.383	355.362.728.818

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.646.231.081	-	4.536.508.000	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	63.736.024.402	(358.199.438)	52.942.422.494	(398.199.438)
Đầu tư dài hạn	22.280.507.645	(6.817.693.945)	22.280.507.645	(6.817.693.945)
	93.662.763.128	(7.175.893.383)	79.759.438.139	(7.215.893.383)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	794.052.460.888	815.062.298.104
Phải trả người bán, phải trả khác	168.031.942.543	135.347.721.580
Chi phí phải trả	8.861.884.619	5.276.698.886
	970.946.288.050	955.686.718.570

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

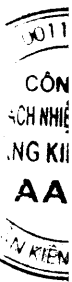
Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.646.231.081	-	-	7.646.231.081
Phải thu khách hàng, phải thu khác	63.377.824.964	-	-	63.377.824.964
Đầu tư dài hạn	-	15.462.813.700	-	15.462.813.700
	<u>71.024.056.045</u>	<u>15.462.813.700</u>	<u>-</u>	<u>86.486.869.745</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.536.508.000	-	-	4.536.508.000
Phải thu khách hàng, phải thu khác	52.544.223.056	-	-	52.544.223.056
Đầu tư dài hạn	-	15.462.813.700	-	15.462.813.700
	<u>57.080.731.056</u>	<u>15.462.813.700</u>	<u>-</u>	<u>72.543.544.756</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Vay và nợ	168.097.288.088	463.374.978.160	162.580.194.640	794.052.460.888
Phải trả người bán, phải trả khác	168.031.942.543	-	-	168.031.942.543
Chi phí phải trả	8.861.884.619	-	-	8.861.884.619
	<u>344.991.115.250</u>	<u>463.374.978.160</u>	<u>162.580.194.640</u>	<u>970.946.288.050</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	189.824.247.704	493.536.417.840	131.701.632.560	815.062.298.104
Phải trả người bán, phải trả khác	134.925.545.946	422.175.634	-	135.347.721.580
Chi phí phải trả	5.276.698.886	-	-	5.276.698.886
	<u>330.026.492.536</u>	<u>493.958.593.474</u>	<u>131.701.632.560</u>	<u>955.686.718.570</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	287.082.258.997	56.611.158.161	343.693.417.158
Chi phí bộ phận trực tiếp	274.654.305.659	51.732.418.784	326.386.724.443
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.427.953.338	4.878.739.377	17.306.692.715
Tài sản bộ phận trực tiếp	1.089.330.152.381	35.101.555.944	1.124.431.708.325
Tài sản không phân bổ	-	-	62.562.450.622
Tổng tài sản	1.089.330.152.381	35.101.555.944	1.186.994.158.947
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	948.818.477.591	12.095.434.445	960.913.912.036
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	38.350.723.603
Tổng nợ phải trả	948.818.477.591	12.095.434.445	999.264.635.639

Theo khu vực địa lý

	Quốc tế VND	Trong nước VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	281.448.145.135	62.245.272.023	343.693.417.158
Tài sản bộ phận	1.060.575.733.004	126.418.425.943	1.186.994.158.947
Nợ phải trả bộ phận	48.029.840.295	951.234.795.344	999.264.635.639



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

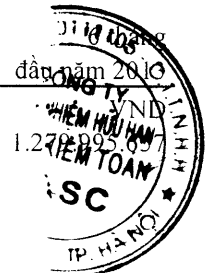
35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:


	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
		VND	VND
Cổ tức phải trả			
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Tổng Công ty	9.400.000.000	9.400.000.000
Lãi vay phải trả			
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Tổng Công ty	3.231.277.634	3.231.277.634

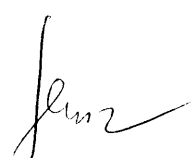
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	<u>6 tháng</u>	<u>đầu năm 2014</u>	<u>đầu năm 2013</u>
	VND	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.180.285.231		

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.


 Nguyễn Bảo Ngọc
 Người lập


 Trần Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng


 Vương Ngọc Sơn
 Tổng Giám đốc


Hải Phòng, ngày 31 tháng 07 năm 2014